

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 210/2022/HNGĐ-ST
Ngày 29 - 12 - 2022
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tăng Giàu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Minh Hoàng

Bà Cao Thị Lê Pha

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Mộng Nghi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 574/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2022 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 233/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị O, sinh năm 1981; cư trú Ấp X, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Lê Hải Đ, sinh năm 1988; cư trú ấp T, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/11/2022 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị Bùi Thị O trình bày: Chị O và anh Lê Hải Đ sống chung vào khoảng năm 2010, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau đó anh chị có đi đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, thời gian đầu chung sống với nhau thì vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng sau này hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng ngày càng căng thẳng và không còn hạnh phúc. Hiện tại anh chị không còn sống chung. Nay nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, vợ chồng cũng không thể hàn gắn lại được và chị cũng không còn tình cảm gì với anh Đ nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Lê Hải Đ. Về con chung: Chị Oanh và anh Đ có 01 người con chung tên Lê Hải Đăng K, sinh ngày 20/9/2010, từ nhỏ đến nay cháu Khoa đều do chị O chăm sóc nuôi dưỡng nên anh chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu K và không đặt ra việc cấp

dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn anh Lê Hải Đ trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 24 tháng 11 năm 2022: Anh Đ và chị Bùi Thị O sống chung vào khoảng năm 2010, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau đó anh chị có đi đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, thời gian đầu chung sống với nhau thì anh chị sống hạnh phúc, nhưng sau này hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, anh Đ và chị O có cự cãi do bất đồng quan điểm, anh nhấn tin với người khác nên chị O ghen, anh Đ có đánh chị O một bàn tay vào mặt. Tuy nhiên, anh Đ xác định vẫn còn tình cảm với chị O, mâu thuẫn giữa anh Đ và chị O chưa đến mức trầm trọng. Nay chị O yêu cầu ly hôn thì anh Đ không đồng ý ly hôn. Về con chung: Anh Đ và chị O có 01 người con chung tên Lê Hải Đ K, sinh ngày 20/9/2010, từ nhỏ đến nay cháu K đều do anh Đ và chị O chăm sóc nuôi dưỡng. Trường hợp có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị O về việc ly hôn thì anh Đ yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu K và không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử đúng theo quy định của pháp luật, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn chị Oanh đúng theo quy định pháp luật, bị đơn anh Đăng có thời điểm chưa chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Bùi Thị O đối với anh Lê Hải Đ; về con chung: Giao người con chung tên Lê Hải Đ K, sinh ngày 20/9/2010 cho chị O tiếp tục nuôi dưỡng, hiện tại cháu K đang sống với chị O nên giữ nguyên. Về cấp dưỡng nuôi con chị O không yêu cầu nên không xem xét. Về tài sản chung và nợ: Chị O và anh Đ xác định không có tài sản chung và cũng không nợ ai, không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm chị Bùi Thị O phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Bùi Thị O yêu cầu ly hôn với anh Lê Hải Đ và yêu cầu được tiếp tục nuôi người con chung. Bị đơn anh Lê Hải Đ, cư trú tại ấp T, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu, nên đây là vụ án dân sự về tranh chấp ly hôn, nuôi con và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về sự vắng mặt của các đương sự: Chị Bùi Thị O có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và được Tòa án chấp nhận; anh Lê Hải Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt; căn cứ các điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, các điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị O và anh Đ.

[4] Về nội dung: Chị Bùi Thị O và anh Lê Hải Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường K, huyện U, tỉnh Cà Mau và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 11/01/2010, nên hôn nhân giữa chị Oanh và anh Đăng là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị O yêu cầu ly hôn với anh Lê Hải Đ. Hội đồng xét xử xét thấy: Chị O và anh Đ xác định quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi do bất đồng quan điểm, không hàn gắn được. Xét thấy, mục đích hôn nhân là để tạo dựng gia đình hạnh phúc, vợ chồng phải yêu thương, quý trọng và chăm sóc lẫn nhau, nhưng trong thời gian chung sống chị O và anh Đ phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, cuộc sống gia đình luôn căng thẳng không hàn gắn được, hiện tại chị O và anh Đ không còn sống chung, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị O đối với anh Đ.

[6] Về con chung: Chị Bùi Thị O và anh Lê Hải Đ xác định có một người con chung tên Lê Hải Đ K, sinh ngày 20/9/2010, hiện tại đang sống với chị O và anh Đ. Khi ly hôn chị O và anh Đ đều có nguyện vọng nuôi con. Xét thấy, từ nhỏ đến nay cháu K sống chung với chị O và anh Đ và từ khi hai vợ chồng chị O và anh Đ không còn sống chung đến nay cháu K đều do chị O trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Đồng thời, tại Biên bản ghi ý kiến cháu Lê Hải Đ K, sinh ngày 20/9/2010 cháu K có nguyện vọng được sống cùng chị O. Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cháu Lê Hải Đ K, sinh ngày 20/9/2010 cho chị Bùi Thị O tiếp tục trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Lê Hải Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con chị O không yêu cầu nên không xem xét.

[7] Về tài sản chung và nợ: Chị Bùi Thị O và anh Lê Hải Đ xác định không có tài sản chung và cũng không nợ ai, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Bùi Thị O phải chịu 300.000 đồng. Chị O đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009601 ngày 08 tháng 11 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí toàn bộ số tiền trên.

[9] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về các vấn đề có liên quan đến vụ án là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; các điểm a, b khoản 1 Điều 227; các điểm a, b khoản 1 Điều 238 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Bùi Thị O đối với anh Lê Hải Đ.

2 Về con chung: Giao người con chung tên Lê Hải Đ K, sinh ngày 20/9/2010 cho chị Bùi Thị O tiếp tục trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, hiện tại cháu K đang sống với chị O nên giữ nguyên. Anh Lê Hải Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con chị O không yêu cầu nên không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ: Chị Bùi Thị O và anh Lê Hải Đ xác định không có tài sản chung và cũng không nợ ai, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình: Chị Bùi Thị O phải chịu 300.000 đồng. Chị O đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009601 ngày 08 tháng 11 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí toàn bộ số tiền trên.

5. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị O và anh Lê Hải Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Đ;
- CCTHADS huyện Đ;
- UBND phường K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Tăng Giàu

